

Số: 09 /NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 29 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 724/TTr-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 71/BC-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Diện tích đất phải thu hồi của 15 công trình, dự án với diện tích 172,00 ha, gồm: Đất nông nghiệp 96,82 ha, đất phi nông nghiệp 58,79 ha, đất chưa sử dụng 16,39 ha; mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự kiến là 20.065 triệu đồng (*Chi tiết có Biểu số 01 kèm theo*).

2. Diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ phải chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện 9 công trình, dự án với diện tích 4,24 ha, gồm: Đất trồng lúa 2,94 ha, đất rừng phòng hộ 1,30 ha (*Chi tiết có Biểu 02 kèm theo*).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

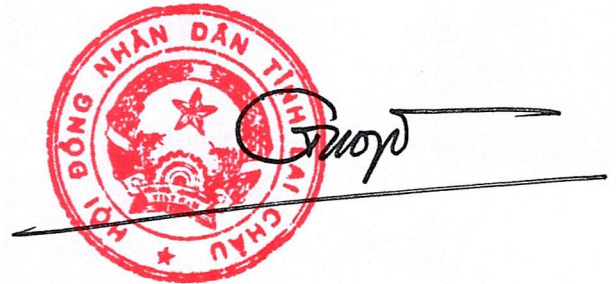
Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khoá XV, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Páo Mỹ

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT PHÁT SINH NĂM 2022
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**

(Kèm theo Nghị quyết số 09 /NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 của HĐND tỉnh Lai Châu)



STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)	Loại đất theo hiện trạng đang quản lý, sử dụng (ha)
			Tổng cộng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng		
	Tổng cộng: 15 công trình, dự án		172,00	96,82	58,79	16,39	20.065	
I	Thành phố Lai Châu (02)		19,37	18,79	0,48	0,10	2.500	
<i>a</i>	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		<i>0,15</i>	<i>0,07</i>	<i>0,08</i>	<i>0,00</i>	<i>2.500</i>	
1	Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới Bắc 4D (san gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu phía bắc QL4D thành phố Lai Châu)	Phường Quyết Tiến	0,15	0,07	0,08	0,00	2.500	ODT(0,08); LNC(0,07)
<i>b</i>	<i>Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN</i>		<i>19,22</i>	<i>18,72</i>	<i>0,40</i>	<i>0,10</i>		
2	Khu đô thị thiên đường mắc ca tỉnh Lai Châu	Các phường: Đoàn Kết, Tân Phong	19,22	18,72	0,40	0,10		ODT (0,4); BHK(0,4); TSN(0,05); LUK(0,2); NHK(2,2); RPH(12,5); RSX(2,87); DTL(0,4); DCS+BCS(0,1); CLN(0,1).
II	Huyện Tam Đường (03)		3,13	2,03	1,00	0,10	150	
<i>a</i>	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		<i>2,88</i>	<i>1,78</i>	<i>1,00</i>	<i>0,10</i>	<i>150</i>	
1	Xử lý điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông km74+600; km75+100/QL.4D, tỉnh Lai Châu	Xã Sơn Bình	1,38	0,48	0,80	0,10	150	NHK(0,12ha); RPH(0,36ha); DGT(0,80ha); DCS(0,10ha)

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)	Loại đất theo hiện trạng đang quản lý, sử dụng (ha)
			Tổng cộng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng		
2	Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thành - Thèn Sin - Mường So)	Xã Thèn Sin	1,50	1,30	0,20			LUC (0,8ha); LUK (0,3ha); ONT (0,10ha); DGT (0,10ha); BHK (0,2ha)
<i>b</i>	<i>Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN</i>		<i>0,25</i>	<i>0,25</i>	<i>-</i>	<i>-</i>		
3	Xây dựng trụ sở đội truyền tải điện Tam Đường	Xã Bình Lư	0,25	0,25				NHK (0,25 ha)
III	Huyện Than Uyên (02)		0,86	0,51	0,32	0,02	3.615	
<i>a</i>	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		<i>0,72</i>	<i>0,39</i>	<i>0,32</i>	<i>0,01</i>	<i>3.615</i>	
1	Sửa chữa, nâng cấp và mở rộng khuôn viên Nhà văn hoá Bản Lướt xã Mường Kim huyện Than Uyên	Xã Mường Kim	0,72	0,39	0,32	0,01	3.615	HNK 0,2730; CLN 0,0002; NTS 0,1124; ONT 0,1059; DVH 0,0715; DGT 0,1357; SON 0,0093; BCS 0,0135
<i>b</i>	<i>Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN</i>		<i>0,13</i>	<i>0,13</i>	<i>0,00</i>	<i>0,01</i>	<i>-</i>	
2	Đường dây 110Kv mạch 2 từ TBA 220Kv Than Uyên - TBA 110Kv Than Uyên	Xã Phúc Than	0,13	0,13	0,00	0,01		LUC: 0,125; DGT: 0,001; CSD: 0,008
VI	Huyện Sin Hồ (01)		8,50	8,46	0,04	0,00	0,00	
<i>a</i>	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		<i>8,50</i>	<i>8,46</i>	<i>0,04</i>	<i>0,00</i>	<i>0</i>	

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)	Loại đất theo hiện trạng đang quản lý, sử dụng (ha)
			Tổng cộng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng		
1	Đường ra biên giới đoạn từ bản Pho I - bản Nậm Tàn Mông - Mốc 56, huyện Sin Hồ	Xã Pa Tàn	8,50	8,46	0,041		ONT(0,0134); BHK(0,52); NHK(7,94); NTS(0,00042); DGD(0,0021); DVH(0,0084); DTL(0,0135); NTD(0,0003); SON(0,0032)	
V	Huyện Nậm Nhùn (01)		0,09	0,00	0,06	0,03	150,00	
<i>a</i>	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		<i>0,09</i>	<i>0,00</i>	<i>0,06</i>	<i>0,03</i>	<i>150</i>	
1	Nhà văn hóa khu dân cư mới thị trấn Nậm Nhùn (bản Pa Kéo), thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	0,09		0,06	0,03	150	ODT(0,06); DCS(0,03)
VI	Huyện Mường Tè (05)		133,41	62,00	55,50	15,91	10.050	
<i>a</i>	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		<i>133,21</i>	<i>62,00</i>	<i>55,50</i>	<i>15,71</i>	<i>10.050</i>	
1	Xây dựng các công trình cấp trữ nước vùng Lục Khu tỉnh Cao Bằng; vùng cao núi đá tỉnh Hà Giang và huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Xã Tà Tổng	3,61	2,91	0,20	0,50	800	ONT(0,2); NHK(1,2); RSX(1,71); DCS(0,5)
2	Nâng cấp tuyến đường từ đồn biên phòng Hua Bum ra mốc 52 huyện Nậm Nhùn; đường ra biên giới đoạn từ bản Tá Pạ - khu vực mốc 34, huyện Mường Tè	Xã Tá Bạ	37,00	22,79	7,00	7,21	6000	RSX(5,06); RPH(4,97); NHK(10,0); BHK(2,76); DCS(7,21); DGT(7,0)
3	Nâng cấp hệ thống nước sạch thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Thị trấn Mường Tè	2,00	1,00		1,00	750	NHK(0,2); LUK(0,1); RSX(0,6); RPH(0,1); DCS(1,0)

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (Tr. đồng)	Loại đất theo hiện trạng đang quản lý, sử dụng (ha)
			Tổng cộng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng		
4	Nâng cấp đường giao thông đến trung tâm các xã huyện Mường Tè	Các xã: Mường Tè, Pa Ủ, Ka Lãng, Tá Bạ, Bum Nura, Pa Vệ Sủ, Vàng San và thị trấn Mường Tè	90,60	35,30	48,30	7,00	2500	DGT(47,4); DCS(3,5); BCS(3,5); SON(0,3); ONT(0,6); RPH(9,4); RSX(2,8); LUC(1,1); LUK(2,1); LUN(6,5); NHK(12,4); BHK(0,7); TSN(0,3)
<i>b</i>	<i>Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN</i>		<i>0,20</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>0,20</i>	-	
5	Xây dựng Trụ sở Đội Truyền tải điện Mường Tè	Thị trấn Mường Tè	0,20	-	-	0,20		DCS(0,2)
VII	Các công trình, dự án liên huyện (01)		6,64	5,02	1,39	0,23	3.600	
<i>a</i>	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		<i>6,64</i>	<i>5,02</i>	<i>1,39</i>	<i>0,23</i>	<i>3.600</i>	
1	Kè chống sạt lở bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng tại các huyện: Phong Thổ, Than Uyên và Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Xã Mường So - huyện Phong Thổ	2,32	1,74	0,56	0,01	1.200	LUC (0,143); LUK (0,08); BNK (1,24); CLN (0,24); NTS (0,045); ONT (0,409); DGT (0,12); DTL (0,003); SON (0,023); CSD (0,012)
		Các xã Mường Cang, Mường Kim - huyện Than Uyên	4,32	3,28	0,83	0,21	2.400	LUC (0,14); LUK (0,08); BNK (1,24); CLN (0,24); NTS (0,05); ONT (0,41); DGT (0,12); SON (0,02); CSD (0,01)
Tổng			6,64	5,02	1,39	0,23		

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ PHÁT SINH NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

(Kèm theo Nghị quyết số 09 /NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2022 của HĐND tỉnh Lai Châu)



STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến chia theo loại đất (ha)		
			Tổng cộng	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ
	Tổng cộng: 9 công trình, dự án		4,24	2,94	1,30
I	Thành phố Lai Châu (01)		0,20	0,20	0,00
	<i>Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN</i>		<i>0,20</i>	<i>0,20</i>	<i>0,00</i>
1	Khu đô thị thiên đường mắc ca tỉnh Lai Châu	Các phường: Đoàn Kết, Tân Phong	0,20	0,20	
I	Huyện Tam Đường (03)		1,56	1,20	0,36
	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		<i>1,56</i>	<i>1,20</i>	<i>0,36</i>
1	Trận địa Súng máy phòng không 12,7mm	Thị trấn Tam Đường	0,10	0,10	
2	Xử lý điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông km74+600; km75+100/QL.4D, tỉnh Lai Châu	Xã Sơn Bình	0,36		0,36
3	Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thành - Thèn Sin - Mường So)	Xã Thèn Sin	1,10	1,10	
II	Huyện Than Uyên (02)		0,15	0,15	
	<i>Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN</i>		<i>0,15</i>	<i>0,15</i>	-
1	Đường dây 35KV từ TBA 110KV Than Uyên đến thủy điện Suối Lĩnh	Xã Phúc Than	0,02	0,02	
2	Đường dây 110Kv mạch 2 từ TBA 220Kv Than Uyên - TBA 110Kv Than Uyên	Xã Phúc Than	0,13	0,13	
III	Huyện Mường Tè (02)		0,94	0,00	0,94

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến chia theo loại đất (ha)		
			Tổng cộng	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ
<i>b</i>	<i>Dự án đầu tư không sử dụng vốn NSNN</i>		<i>0,94</i>	<i>0,00</i>	<i>0,94</i>
1	Tuyến đường dây 110kv Thủy điện Nậm Cúm 2	Các xã: Pa Ủ, Mường Tè	0,85		0,85
2	Tuyến đường dây 110kv Thủy điện Nậm Cúm 3	Xã Pa Ủ	0,09		0,09
IV	Các công trình, dự án liên huyện (01)		1,39	1,39	0,00
<i>a</i>	<i>Dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN</i>		<i>1,39</i>	<i>1,39</i>	<i>0,00</i>
1	Kè chống sạt lở bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng tại các huyện: Phong Thổ, Than Uyên và Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Xã Mường So - huyện Phong Thổ	0,22	0,22	
		Các xã Mường Cang, Mường Kim- huyện Than Uyên	1,17	1,17	
		Tổng	1,39	1,39	0,00